

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**  
**KHOA LUẬT**

**Đỗ Thị Hương**

**QUYỀN CON NGƯỜI VÀ VẤN ĐỀ BẢO ĐẢM**  
**QUYỀN BÀO CHỮA CỦA BỊ CAN, BỊ CÁO**  
**Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

**Chuyên ngành : Lý luận và Lịch sử Nhà nước – pháp luật**  
**Mã số : 60.38.01**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

Hà Nội - 2011

## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Quyền con người (QCN) là một trong những vấn đề cơ bản nhất của nhận thức và thực tiễn chính trị, vì vậy, nó gắn với các thời đại lịch sử cụ thể và nó bị chế định bởi lịch sử, bởi các điều kiện kinh tế - xã hội của từng quốc gia và quốc tế.

Ngay sau khi nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, dù có biết bao nhiệm vụ khó khăn cần giải quyết nhưng chính quyền dân chủ nhân dân rất quan tâm đến nhiệm vụ bảo vệ các quyền tự do dân chủ của công dân, trong đó có QBC trước tòa. Ngày 10/10/1945, Nhà nước ban hành sắc lệnh quy định các tổ chức đoàn thể luật sư và từ đó đến nay các quy định của pháp luật về bảo đảm QBC của bị can, bị cáo được bổ sung ngày càng đầy đủ hơn.

Bảo đảm QBC của bị can, bị cáo luôn được coi là nguyên tắc hiến định, được thể hiện trong tất cả các bản Hiến pháp của nước ta. Đồng thời được coi là nguyên tắc đặc thù của Luật TTHS. Điều 12, Bộ luật TTHS năm 1988 - Bộ luật TTHS đầu tiên của nước ta quy định: “Bị can, bị cáo có quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa. Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát và tòa án có nhiệm vụ bảo đảm cho bị can, bị cáo thực hiện QBC của họ”

QBC trong Luật TTHS năm 2003 được mở rộng cả đối tượng và phạm vi các quyền, người bị tạm giữ cũng được bảo đảm QBC. Cùng với sự phát triển của pháp luật tố tụng hình sự, QBC ngày càng được tôn trọng và mở rộng hơn, đồng thời có những cơ chế bảo đảm cho bị can, bị cáo thực hiện quyền này. Điều đó thể hiện bản chất dân chủ của pháp luật nước ta.

QBC của bị can, bị cáo không chỉ là mối quan tâm của riêng bị can, bị cáo hay gia đình họ và những người làm công tác bảo vệ pháp luật mà nó còn là sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội. Chính vì lẽ đó, ngày 02/01/2002, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam đã ra Nghị quyết chỉ ra những quan điểm chỉ đạo như “bảo đảm tranh tụng với Luật sư, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác ...”. Tiếp đó, trong chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Nghị quyết 59/NQ-TW đã chỉ rõ “... xác định rõ hơn vị trí, quyền hạn, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng theo hướng đảm bảo tính công khai, dân chủ, nghiêm minh, nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là

khâu đột phá của hoạt động tư pháp”. Điều đó cũng phù hợp với chiến lược phát triển đất nước mà Đại hội Đảng X, XI đã chỉ ra rằng: “... xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân ...”

Trong thực tiễn qua cho thấy, mặc dù pháp luật TTHS đã quy định tương đối đầy đủ và khá chặt chẽ, nhưng trong các vụ án hình sự QBC của bị can, bị cáo vẫn chưa được các cơ quan tố tụng và người tiến hành tố tụng thực sự tôn trọng và bảo đảm thực hiện. Tình trạng vi phạm các quyền tố tụng của bị can, bị cáo vẫn còn diễn ra. Một số người tiến hành tố tụng còn chưa nhận thức được việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân và minh oan cho người vô tội cũng như xử lý nghiêm minh đối với người phạm tội. Ở giai đoạn điều tra, nhiều điều tra viên cho rằng người bị tạm giữ không cần mời luật sư vì chưa cần thiết. Trong quá trình tố tụng thường chú ý đến việc không bỏ lọt tội phạm hơn là việc không làm oan người vô tội và coi việc tham gia tố tụng của người bào chữa chỉ là để cho đủ thủ tục mà thôi. Điều đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc bảo vệ QBC của bị can, bị cáo, dẫn đến tình trạng oan sai trong tố tụng.

Vì vậy, việc nghiên cứu đề tài về QBC của bị can, bị cáo ở Việt Nam có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, giúp cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết vụ án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, hạn chế tối đa tình trạng oan sai.

Với nhận thức trên, tác giả chọn đề tài **Quyền con người và vấn đề bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo ở Việt Nam** làm đề tài nghiên cứu cho luận văn của mình.

## **2. Tình hình nghiên cứu**

Vấn đề bảo đảm QBC của bị can, bị cáo trong công cuộc cải cách tư pháp ở Việt Nam nói chung và trong hoạt động TTHS nói riêng đang là vấn đề thu hút sự quan tâm của toàn ngành tư pháp và cả xã hội. Đặc biệt là kể từ khi có Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị ban hành xác định: *bảo đảm tranh tụng dân chủ với Luật sư, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác*; cũng như nội dung trong Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị nhấn mạnh: *nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp*, thì nội dung về người bào chữa và QBC lại càng được quan tâm nghiên cứu. Điển hình là: Luật sư, PGS.TS Phạm Hồng Hải với cuốn

sách: *Đảm bảo QBC của người bị buộc tội*; TS. Trần Quang Tiệp với cuốn sách *Về bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong TTHS*.

Các tác giả làm luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ liên quan đến người bào chữa và vấn đề bảo đảm QBC của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo như: tác giả Hoàng Thị Sơn với đề tài: *Thực hiện QBC của bị can, bị cáo trong TTHS*; tác giả Nguyễn Thu Thủy với đề tài: *Vai trò của Luật sư trong việc bảo vệ QCN trong TTHS Việt Nam*; tác giả Nguyễn Thị Vân Hằng với đề tài: *Vai trò của Luật sư góp phần bảo đảm dân chủ trong hoạt động TTHS ở Việt Nam hiện nay*; tác giả Nguyễn Phạm Duy Trang với đề tài: *Sự tham gia của người bào chữa trong các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố vụ án hình sự*; tác giả Giang Thanh Hải với đề tài: *Hoạt động chứng minh của người bào chữa trong vụ án hình sự*; tác giả Nguyễn Tiến Đạt với đề tài: *Bảo đảm quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong TTHS Việt Nam*; tác giả Trần Văn Bảy với đề tài: *Người bào chữa trong TTHS Việt Nam*; tác giả Huỳnh Thị Trúc Linh với đề tài: *Chức năng bào chữa trong TTHS Việt Nam*; tác giả Võ Văn Hòa với đề tài: *Chức năng buộc tội và bào chữa trong TTHS Việt Nam*.

Ngoài ra còn rất nhiều bài viết, bài nghiên cứu đăng trên các báo, tạp chí chuyên ngành như Tạp chí Tòa án nhân dân; Tạp chí Kiểm sát; Tạp chí dân chủ và pháp luật; Tạp chí Luật học; Tạp chí Nghề luật; Báo pháp luật...

Tuy nhiên, những công trình nghiên cứu ở trên chủ yếu được các tác giả thực hiện khi bộ luật TTHS năm 2003 chưa được ban hành, thực tiễn cho thấy vẫn còn nhiều hạn chế và vướng mắc trong việc thực hiện QBC của bị can, bị cáo. Vì vậy, việc nghiên cứu vấn đề này vẫn còn rất cần thiết để tiếp tục hoàn thiện pháp luật về QBC của bị can, bị cáo góp phần đảm bảo xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đồng thời đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị can, bị cáo.

### **3. Phạm vi nghiên cứu của đề tài**

Trong khuôn khổ luận văn cao học, học viên giới hạn sự nghiên cứu của mình về các vấn đề sau:

- Khái niệm, các đảm bảo thực hiện QCN.
- Khái quát về lịch sử hình thành và phát triển của chế định bảo đảm QBC của bị can, bị cáo trong hệ thống pháp luật từ sau 1945 đến nay.
- Thực trạng áp dụng các quy định của pháp luật TTHS về bảo đảm QBC ở Việt Nam trong những năm gần đây, đặc biệt là khi nhà nước ta ban hành năm 2003.

- Những hạn chế, bất cập; nguyên nhân của những hạn chế, bất cập trong việc bảo đảm quyền bào chữa cho bị can, bị cáo.

- Đề xuất một số giải pháp góp phần hoàn thiện các quy định của pháp luật về bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo.

#### **4. Phương pháp nghiên cứu của đề tài**

Luận văn được thực hiện trên cơ sở vận dụng phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm của Đảng ta về nhà nước và pháp luật, về QCN, về QBC, về mối quan hệ giữa nhà nước và cá nhân... với tư cách là những căn cứ lý luận để giải quyết các vấn đề do đề tài đặt ra.

Luận văn đặc biệt coi trọng quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử để nghiên cứu QCN; sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp trên lập trường duy vật biện chứng và duy vật lịch sử để đánh giá thực trạng về vấn đề đảm bảo QBC của bị can, bị cáo; kết hợp phương pháp hệ thống với phương pháp logic - lịch sử, phương pháp so sánh nhằm phân tích luận chứng một cách khoa học khi xác định các giải pháp bảo đảm thực hiện QBC của bị, bị cáo ở Việt Nam.

#### **5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn**

- *Về mặt lý luận*: đề tài nghiên cứu lý luận, đánh giá thực trạng về bảo đảm QBC của bị can, bị cáo trong TTHS; từ đó đề xuất phương hướng và các giải pháp để sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn chi tiết các quy định của pháp luật về bảo đảm QBC, nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng chế định này trên thực tế. Với kết quả nghiên cứu như vậy, đề tài góp phần làm phong phú thêm lý luận về QBC và bảo đảm QBC của bị can, bị cáo.

- *Về mặt thực tiễn*: Kết quả nghiên cứu của đề tài góp phần đánh giá đúng thực trạng áp dụng pháp luật về bảo đảm QBC của bị can, bị cáo; qua đó khắc phục được những thiếu sót, bất cập trong hoạt động này. Các đề xuất, kiến nghị trong đề tài có thể được dùng làm tài liệu tham khảo khi nghiên cứu, hướng dẫn, sửa đổi, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan đến vấn đề này.

#### **6. Kết cấu của luận văn**

Luận văn gồm phần mở đầu, 03 chương và kết luận, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo

**Chương 1:** Cơ sở lý luận về QCN và việc đảm bảo QBC của bị can, bị cáo

**Chương 2:** Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về bảo đảm QBC của bị can, bị cáo ở Việt Nam

**Chương 3:** Một số giải pháp góp phần hoàn thiện các quy định của pháp luật về bảo đảm QBC của bị can, bị cáo ở Việt Nam

## Chương 1

# CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUYỀN CON NGƯỜI VÀ VIỆC ĐẢM BẢO QUYỀN BẢO CHỮA CỦA BỊ CAN, BỊ CÁO

### 1.1. Cơ sở lý luận về QCN

#### 1.1.1. Khái niệm QCN

QCN có thể được hiểu là đặc quyền vốn có của từng cá nhân nhằm bảo vệ nhân phẩm và nâng cao giá trị của họ với tư cách là con người. Không có nó, các cá nhân không thực sự là con người. QCN có những đặc điểm cơ bản là:

*Thứ nhất*, QCN vừa phản ánh các nhu cầu tự nhiên, khách quan, vừa thể hiện các quan hệ xã hội, ý chí chủ quan của từng con người và của xã hội. Nó là những đặc quyền của con người đã được pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia ghi nhận, điều chỉnh, do chính cá nhân con người nắm giữ trong mối quan hệ với tự nhiên, với xã hội, với nhà nước và với những cá nhân con người khác.

*Thứ hai*, QCN là khái niệm thể hiện xu hướng, yêu cầu, quan niệm được xác định với những nội dung cụ thể.

*Thứ ba*, QCN vừa là giá trị chung, phổ biến, vừa mang tính riêng biệt, đặc thù, vừa có tính nhân loại, vừa có tính giai cấp. Tuy nhiên, quan niệm QCN trên thực tế được lý giải bởi những quan điểm khác nhau, tùy thuộc vào lợi ích và ý chí giai cấp.

*Thứ tư*, QCN vừa bao hàm quyền của từng cá nhân con người, thể hiện lợi ích cá thể, tự do cá nhân, vừa thể hiện lợi ích của nhóm, của cộng đồng, của quốc gia dân tộc.

*Thứ năm*, QCN phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế - xã hội, truyền thống văn hoá, đạo đức của các quốc gia.

*Thứ sáu*, QCN và pháp luật là hai yếu tố không thể tách rời, Với chức năng là công cụ, phương tiện pháp luật ghi nhận và bảo đảm việc thực hiện các QCN.

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn của vấn đề này, khoa học pháp lý đã chia QCN theo các lĩnh vực hoạt động của đời sống con người thành các nhóm:

- Nhóm quyền tự do dân chủ về chính trị, nhóm quyền về dân sự; Nhóm các quyền về kinh tế - xã hội; Quyền phát triển; Quyền được sống hoà bình và môi trường trong sạch

### **1.1.2. Những điều kiện bảo đảm thực hiện QCN**

Bảo đảm thực hiện QCN là kết quả tổng hợp của các nhân tố chính trị, kinh tế, văn hoá giáo dục và pháp luật. Những nhân tố này được xem xét với tư cách là những điều kiện, tiền đề cần thiết đảm bảo thực hiện QCN.

*Về mặt chính trị*, con người sống trong mỗi quốc gia, dân tộc vì thế QCN chỉ được đảm bảo thực hiện khi dân tộc đó được sống trong độc lập, tự do, không bị áp bức nô dịch, có chế độ chính trị xã hội tiến bộ, dân chủ và ổn định.

*Nhà nước* cũng là yếu tố quan trọng trong hệ thống chính trị XHCN cần phải được hoàn thiện với tư cách là điều kiện đảm bảo thực hiện QCN. Trong các chủ thể thực hiện QCN Nhà nước có vị trí đặc biệt quan trọng.

*Về mặt kinh tế*: Đảm bảo ổn định, phát triển kinh tế là cơ sở để bảo đảm và phát triển đối với mọi lĩnh vực khác của đời sống xã hội.

*Về văn hoá, giáo dục*: Thực hiện QCN, quyền công dân còn phụ thuộc vào sự phát triển văn hoá, giáo dục, trình độ dân trí .

*Về pháp luật*: Đảm bảo thực hiện QCN bằng pháp luật cũng là điều kiện quan trọng đảm bảo thực hiện QCN, quyền công dân, những tư tưởng, quan điểm tích cực tiến bộ về QCN, những tuyên bố long trọng về nội dung QCN chỉ là không tương nếu chúng không được thể chế hoá thành pháp luật, được pháp luật bảo vệ.

### **1.1.3. Mối quan hệ giữa xây dựng Nhà nước pháp quyền và bảo đảm QCN**

#### *1.1.3.1. Đặc trưng cơ bản của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam*

Từ lý luận, thực tiễn xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, có thể rút ra một số đặc trưng cơ bản sau đây:

*Một là*, Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam là nhà nước tôn trọng, thực hiện và bảo vệ QCN.

*Hai là*, Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam là nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân; mọi quyền lực thuộc về nhân dân.

*Ba là*, Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam là nhà nước được tổ chức và hoạt động trên cơ sở của Hiến pháp, pháp luật và bảo đảm tính tối thượng của pháp luật trong mọi hoạt động của đời sống xã hội. Nhà nước định ra luật pháp và tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật; giữ nghiêm kỷ cương xã hội, nghiêm trị mọi hành động xâm phạm pháp luật, vi phạm lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân.

*Bốn là*, Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam là nhà nước được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

*Năm là*, Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam là nhà nước chịu trách nhiệm trước công dân về mọi hoạt động của mình và bảo đảm cho công dân thực hiện các nghĩa vụ trước nhà nước và xã hội.

*Sáu là*, Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam là nhà nước thực hiện đường lối đối ngoại rộng mở dựa trên các nguyên tắc hòa bình, hữu nghị, hợp tác, bình đẳng và cùng có lợi.

*Bảy là*, Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam là nhà nước do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

*1.1.3.2 Mối quan hệ giữa xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam và việc bảo đảm QCN.*

Tất cả bảy đặc trưng cơ bản trên của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam xét đến cùng đều nhằm phục vụ cho mục đích duy nhất, tối cao là bảo đảm hạnh phúc của con người; tôn trọng, thực hiện và bảo vệ QCN trên cơ sở Hiến pháp và pháp luật. Hiện nay, chúng ta đang từng bước xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN của dân, do dân và vì dân. Chỉ khi có một Nhà nước như vậy mới có thể phát huy được quyền dân chủ của nhân dân, đảm bảo quyền sống, quyền được làm việc, được lao động, được học hành, được đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội.

## **1.2. Cơ sở lý luận của việc bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo**

### **1.2.1. Địa vị pháp lý của bị can, bị cáo**

Bị can là người đã có quyết định khởi tố hình sự.

Bị cáo là người đã bị tòa án quyết định đưa ra xét xử.

### **1.2.2. Quyền bào chữa của bị can, bị cáo**



### **12.2.1. Khái niệm quyền bào chữa của bị can, bị cáo**

QBC trong TTTHS có thể hiểu là: *QBC trong TTTHS là tổng hợp các quyền năng TTTHS của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người bị kết án nhằm phủ nhận một phần hay toàn bộ sự buộc tội đối với họ của các cơ quan tiến hành tố tụng, hoặc làm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của họ trong vụ án hình sự.*

### **1.2.2.2. Các hình thức bào chữa của bị can, bị cáo**

#### *a) Tự mình bào chữa*

QBC của bị can, bị cáo trong TTTHS trước hết là quyền của chính bị can, bị cáo mà pháp luật TTTHS cho phép họ sử dụng để tự chống lại việc buộc tội của cơ quan tiến hành tố tụng. Nội dung của quyền bào chữa này bao gồm: quyền được đưa ra những căn cứ hoặc nhận xét chứng cứ, đề xuất ý kiến v.v..

#### *b) Nhờ người khác bào chữa*

Theo quy định tại Điều 56 BLTTTHS, người bào chữa có thể là: Luật sư; Người đại diện hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo; Bào chữa viên nhân dân.

### **1.2.3. Vai trò của Luật sư trong việc bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo**

Thực tiễn cho thấy, trong các loại người bào chữa, luật sư có vai trò quan trọng và điển hình nhất trong việc bảo đảm QBC của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo.

## Chương 2

# THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ BẢO ĐẢM QUYỀN BÀO CHỮA CỦA BỊ CAN, BỊ CÁO Ở VIỆT NAM

### 2.1. Khái quát quá trình hình thành và phát triển về quyền bào chữa của bị can, bị cáo ở Việt Nam

#### 2.1.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1954

Sau khi cách mạng tháng 8/1945 thành công, Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ra đời, nhiệm vụ cấp thiết lúc này là phải xoá bỏ hệ thống pháp luật cũ của thực dân, phong kiến và nhanh chóng xây dựng hệ thống pháp luật mới cùng với việc kiện toàn của cơ quan tư pháp.

Trong Hiến pháp năm 1946, QBC của bị cáo được ghi nhận tại Điều 67 như sau: “*Bị cáo được quyền tự bào chữa lấy hoặc mượn luật sư*”.

Ngay những năm đầu thập niên 1950 của thế kỷ XX, ở nước ta hình thức Bào chữa viên nhân dân đã xuất hiện phổ biến trong hoạt động xét xử.

#### 2.1.2. Giai đoạn từ năm 1955 đến năm 1985

Ngày 20/6/1956, Hội nghị Tư pháp toàn quốc đã thông qua một văn bản rất quan trọng, đó là: “*Đề án QBC của bị cáo*”.

Tiếp đó, Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 2225/HCCP-BTP hướng dẫn về thời hạn giao bản cáo trạng cho bị cáo.

Năm 1959, Nhà nước ta ban hành Hiến pháp mới để thay thế Hiến pháp năm 1946. Trong Hiến pháp này, một lần nữa QBC của bị can, bị cáo được ghi nhận là một nguyên tắc hiến định: “QBC của bị can, bị cáo được bảo đảm” (*Điều 101*).

Thông tư số 06/TT quy định cho người bào chữa được thực hiện một số quyền khác, như: được xin hoãn phiên toà, được trình bày lời bào chữa, được xem biên bản phiên toà và bổ sung nếu thấy sai sót; sau khi kết thúc phiên toà, được gặp bị cáo để xem bị cáo có yêu cầu gì không... Ngoài ra, Thông tư số 06/TT còn bổ sung một quy định mới so với những văn bản trước, đó là: nếu vụ án có ảnh hưởng lớn đến chính trị, những vụ án mà bị cáo là người có nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần không thể tự bào chữa được hoặc những vụ án mà bị cáo có thể bị xử phạt tử hình, thì Toà án cần chỉ định người bào chữa cho bị cáo.

Ngày 27/9/1974, Toà án nhân dân tối cao ban hành Bản hướng dẫn trình tự, thủ tục sơ thẩm về hình sự (*kèm theo Thông tư số 16/TANDTC*), trong đó có đề cập đến việc kéo dài thời hạn giao cho bị cáo bản cáo trạng và bổ sung một số trường hợp bắt buộc phải chỉ định người bào chữa nếu bị cáo là người chưa thành niên. Theo đó, chậm nhất là trong vòng năm ngày trước khi xét xử, bị cáo phải được nhận bản cáo trạng.

Năm 1980, sau khi đất nước hoàn toàn thống nhất, Nhà nước ta ban hành một bản Hiến pháp mới, Hiến pháp của thời kỳ cả nước cùng xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Trong bản Hiến pháp này, QBC của bị cáo tiếp tục được ghi nhận tại Điều 133: "... QBC của bị cáo được bảo đảm. Tổ chức luật sư được thành lập để giúp bị cáo và các đương sự khác về mặt pháp lý". Thông tư số 691/QLTPK về luật sư, công chứng, hộ tịch... trong phần hướng dẫn về công tác luật sư, tổ chức Đoàn Luật sư đã xác định: Luật sư có trách nhiệm góp phần bảo vệ chân lý, bảo vệ pháp chế XHCN thông qua hoạt động luật của mình.

### **2.1.3. Giai đoạn từ 1986 đến nay**

Ngày 18/12/1987, Hội đồng Nhà nước (nay là Ủy ban Thường vụ Quốc hội) đã thông qua Pháp lệnh tổ chức Luật sư. Có thể nói, đây là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực cao nhất, quan trọng nhất từ trước tới nay, quy định khá cụ thể về tổ chức Luật sư ở nước ta. Theo quy định của Pháp lệnh này, luật sư có quyền: "Tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa cho bị cáo hoặc đại diện cho người bị hại và các đương sự khác trong vụ án hình sự..." (*Điều 13*).

Ngày 28/6/1988, Bộ luật TTHS đầu tiên của Nhà nước ta được ban hành thay thế các văn bản riêng lẻ trước đây, đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển pháp luật TTHS ở nước ta.

Ngày 21/2/1989, Hội đồng Bộ trưởng (*nay là Chính phủ*) đã ban hành Quy chế Đoàn luật sư. Về chức năng, nhiệm vụ của Đoàn luật sư, Điều 1 quy định: "Đoàn luật sư có nhiệm vụ bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân và các tổ chức; bảo vệ pháp chế và chế độ XHCN". Quy chế Đoàn luật sư cũng quy định rõ điều kiện xin gia nhập Đoàn luật sư, nghĩa vụ của luật sư ... Những điều kiện này là bảo đảm pháp lý cần thiết để thực hiện quyền bào chữa của bị can, bị cáo trong TTHS.

Quyền bào chữa của bị can, bị cáo không chỉ được ghi nhận trong Bộ luật TTTHS, mà còn được bảo đảm bằng nhiều điều khoản ở các văn bản quy phạm pháp luật khác, như: Luật tổ chức Toà án nhân dân năm 1992, Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 1989, Pháp Lệnh về tổ chức Đoàn luật sư năm 1987 và đặc biệt ngày 29/6/2006, Quốc Hội khóa XI, kỳ họp thứ 9 đã thông qua Luật Luật sư.

Ngày 26/11/2003, Quốc hội Khóa XI đã thông qua Bộ luật TTTHS mới, có hiệu lực từ ngày 01/7/2004 để thay thế cho Bộ luật TTTHS năm 1988. Theo quy định của Bộ luật TTTHS năm 2003, chế định về bảo đảm quyền bào chữa có nhiều thay đổi, trong đó đáng chú ý nhất là diện đối tượng được bảo đảm QBC trong TTTHS đã được mở rộng. Theo đó, đối tượng được bảo đảm QBC không chỉ dừng lại ở bị can, bị cáo, mà còn bao gồm cả người bị tạm giữ trong một số trường hợp do Bộ luật này quy định.

## **2.2. Thực trạng áp dụng các quy định của pháp luật về bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo**

Trong một thời gian dài trước khi Nhà nước ta ban hành Bộ luật TTTHS, nguyên tắc bảo đảm QBC của bị can, bị cáo chỉ được đề cập một cách rất khái quát trong Hiến pháp, do đó dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau, và thực tiễn áp dụng có nhiều bất cập.

Từ khi có Bộ luật TTTHS, việc một người bị truy cứu trách nhiệm hình sự mời luật sư bào chữa cho mình ở cả giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử không còn là hiện tượng hiếm trong xã hội. Từ sự hiểu biết sâu rộng về các quy định của pháp luật TTTHS, từ những kinh nghiệm hữu ích của nhiều vụ án có sự tham gia ngay từ đầu của người bào chữa, nhiều công dân khi có liên quan đến TTTHS đã tìm đến các đoàn luật sư, hội luật gia, các văn phòng tư vấn pháp lý... để nhờ người giúp đỡ về mặt pháp lý. Cho đến thời điểm hiện nay, tổ chức đoàn luật sư đã được thành lập ở tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Việc tham gia của người bào chữa vào các hoạt động tố tụng hình sự đã có tác dụng rất lớn trong việc bảo vệ pháp chế XHCN, bảo vệ sự đúng đắn, hợp pháp của các hoạt động tố tụng hình sự... Tranh tụng tại toà án đã từng bước được xác lập với vai trò độc lập của luật sư trong mọi giai đoạn của quá trình tố tụng. Luật sư ngày càng tham gia một cách tích cực, chủ động hơn trong việc bảo vệ quyền lợi cho thân chủ trước toà.

Theo quy định của pháp luật, người bào chữa có quyền tham gia tố tụng từ giai đoạn điều tra khi khởi tố bị can (trừ những tội xâm phạm đến an ninh quốc gia), nhưng trong thực tế, việc tham gia của người bào chữa hầu hết là ở giai đoạn hồ sơ đã chuyển sang toà án để chuẩn bị xét xử. Tâm lý của một số người tiến hành tố tụng ở giai đoạn điều tra cho rằng, việc người bào chữa tham gia tố tụng ở giai đoạn điều tra có thể bày cách khai cho bị can, gây cản trở cho quá trình điều tra... Vì vậy, có trường hợp bị can, người thân của họ cần người bào chữa tham gia tố tụng từ giai đoạn điều tra thì hoặc là Cơ quan điều tra im lặng, không ra quyết định công nhận người bào chữa, hoặc ra quyết định công nhận người bào chữa nhưng luôn tạo ra lý do để người bào chữa không tham dự được vào quá trình điều tra. Đối với nhiều vụ án do người chưa thành niên phạm tội, khi hồ sơ chuyển sang toà án, thẩm phán nghiên cứu hồ sơ để xét xử mới phát hiện ra bị cáo là người chưa thành niên phạm tội và làm công văn yêu cầu luật sư bào chữa có khi chỉ cách thời điểm xét xử vài ngày. Những trường hợp này không chỉ hạn chế QBC của bị can, bị cáo mà còn vi phạm nghiêm trọng thủ tục đặc biệt áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội được quy trong Bộ luật TTHS.

Theo quy định của Bộ luật TTHS thì người bào chữa gồm 3 loại, đó là: Luật sư; Bào chữa viên nhân dân; Người đại diện hợp pháp của bị can, bị cáo.

Luật sư và người bào chữa không hoàn toàn đồng nhất với nhau. Trong thực tế không ít người cho rằng đã là người bào chữa thì phải là luật sư và luật sư luôn luôn là người bào chữa. Theo quy định của pháp luật thì luật sư chỉ trở thành người bào chữa khi họ tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị can, bị cáo, người bào chữa có thể là luật sư nhưng cũng có thể không phải là luật sư. Hiện nay, Luật Luật sư đã định rõ chức năng, nhiệm vụ và thể thức tham gia các hoạt động tố tụng hình sự của luật sư, nên các luật sư đã và đang thực sự tham gia vào các hoạt động bào chữa ngày càng có hiệu quả.

Người đại diện hợp pháp cho bị can, bị cáo cũng có thể tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị can, bị cáo. Bộ luật TTHS của nước ta chưa có quy định cụ thể những người có thể là người đại diện hợp pháp của bị can, bị cáo nhưng dựa trên những văn bản khác có thể hiểu: Người

đại diện hợp pháp của bị can, bị cáo là cha, mẹ, người giám hộ, anh chị em ruột ...đối với những trường hợp bị can, bị cáo là người chưa thành niên hoặc người có nhược điểm về thể chất hay tâm thần. Người từ 18 tuổi trở lên không có nhược điểm về thể chất hay tâm thần thì tham gia TTHS với tư cách là bị can, bị cáo không có người đại diện hợp pháp. Cũng tương tự như vậy, người đại diện hợp pháp do không được quy định cụ thể trong pháp luật tố tụng hình sự, nên phải vận dụng các luật khác, như: luật hôn nhân gia đình, luật tố tụng dân sự để xác định người đại diện hợp pháp cho bị can, bị cáo trong trường hợp cần thiết. Do đó, những người này rất ít khi tham gia bào chữa cho bị can, bị cáo. Theo luật định thì chỉ những bị can, bị cáo là người chưa thành niên phạm tội, hoặc là người có khuyết tật về thể chất, tâm thần mới có quyền có người đại diện hợp pháp tham gia hoạt động tố tụng hình sự. Hơn nữa, người đại diện hợp pháp cho bị can, bị cáo không phải tất cả đều có đủ khả năng, trình độ pháp luật để thực hiện việc bào chữa cho thân nhân của mình.

Ngoài luật sư, người đại diện hợp pháp của bị can, bị cáo ra Bộ luật TTHS còn quy định bào chữa viên nhân dân cũng có thể tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa. ở nước ta, trước khi có Luật Luật sư việc bào chữa cho bị can, bị cáo do bào chữa viên nhân dân đảm nhiệm. Hoạt động bào chữa của bào chữa viên nhân dân không phải là chuyên nghiệp mà chỉ mang tính chất nghiệp dư. Từ khi Bộ luật TTHS có hiệu lực thi hành đến nay vẫn chưa có một văn bản nào hướng dẫn thi hành hoạt động của bào chữa viên nhân dân. Vì vậy, trên thực tế hiện nay vẫn chưa có một cách hiểu thống nhất về khái niệm này. Về bào chữa viên nhân dân, ngoài Bộ luật TTHS, cho tới nay chưa có một văn bản pháp luật nào hướng dẫn cụ thể. Ai có thể là bào chữa viên nhân dân? Có cần thành lập tổ chức bào chữa viên nhân dân không? Và tổ chức này được thành lập thì hoạt động như thế nào? Do chưa có quy định cụ thể, nên trên thực tế, hầu như bào chữa viên nhân dân không có điều kiện để tham gia bào chữa.

Có thể nói, những quy định bất cập trên của pháp luật tố tụng hình sự hiện hành, đã hạn chế khả năng nhờ người khác bào chữa cho mình (ngoài luật sư) của bị can, bị cáo và trên thực tế việc bào chữa cho bị can, bị cáo hầu như chỉ do các luật sư thực hiện. Trong khi đó, ở nhiều địa phương, đoàn luật sư có số thành viên rất ít,

phần lớn là các luật sư cao tuổi,... nên việc tham gia vào hoạt động bào chữa có nhiều hạn chế. Ngoài ra, trình độ của luật sư cũng không đồng đều, bởi họ được đào tạo ở những trình độ pháp lý khác nhau. Trong đội ngũ luật sư nước ta hiện có

Khá nhiều người còn thiếu, hỏng những kiến thức cơ bản về pháp luật. Nhiều Luật sư cho rằng, trách nhiệm trước thân chủ của họ sẽ chấm dứt khi phiên tòa sơ thẩm chấm dứt. Và kể từ thời điểm này, họ không còn quan tâm đến số phận và không tiếp tục giúp đỡ bị cáo nữa. Chính vì vậy, có trường hợp Tòa án cấp sơ thẩm kết tội quá nặng hoặc vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nhưng bị cáo cũng không biết để kháng cáo. Như vậy các quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo không được bảo vệ đến cùng.

Tính đến tháng 3/2010 cả nước có hơn 8.400 luật sư (trong đó có 5.700 luật sư chính thức và 2.700 người tập sự hành nghề luật sư), với hơn 1.000 tổ chức hành nghề luật sư. Tuy nhiên, với số lượng luật sư nêu trên, việc bảo đảm quyền bào chữa trên thực tế hầu như mới chỉ thực hiện được đối với bị cáo tại phiên tòa xét xử. Đối với người bị tạm giữ, bị can, vấn đề bảo đảm quyền bào chữa còn nhiều hạn chế, đặc biệt là người bị tạm giữ. Với sự cộng tác tích cực của mình, các Đoàn luật sư đã và đang thật sự là chỗ dựa đáng tin cậy của công dân khi gặp những vấn đề vướng mắc về pháp luật nói chung và TTHS nói riêng. Về phần mình, Hội luật gia Việt Nam và các tổ chức cơ sở cũng đã được tăng cường và có nhiều hình thức hoạt động thiết thực, hiệu quả hơn. Các loại hình dịch vụ pháp lý ngày càng được mở rộng và phát triển. Công tác tuyên truyền, giáo dục phổ biến pháp luật cũng được phát triển và nâng cao một bước. Ngày nay, những người có nhu cầu tìm hiểu pháp luật có điều kiện thuận lợi để thực hiện mong muốn của mình. Ngoài ra, còn có các phương tiện thông tin đại chúng khác như truyền hình, đài phát thanh cũng trở thành những phương tiện thông dụng và hữu hiệu trong việc tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật đại chúng. Đó là cơ sở rất quan trọng, góp phần tạo điều kiện cho việc thực hiện ngày càng tốt hơn nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can trong TTHS.

Thực hiện chiến lược phát triển hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010 và chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, các cơ quan tư pháp ở nước ta đang từng

bước được kiện toàn, hoạt động có hiệu quả và ngày càng thực hiện tốt hơn quyền tự do, dân chủ của công dân trong TTHS.

Trước hết, nói về sự đổi mới trong tổ chức và hoạt động của hệ thống cơ quan điều tra. Để đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, Nhà nước ta đã ban hành Bộ luật TTHS năm 2003 và Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004. Bên cạnh việc sắp xếp lại hệ thống cơ quan điều tra (đặc biệt là cơ quan Cảnh sát điều tra) theo mô hình mới, các quy định về Điều tra viên ở cơ quan điều tra các cấp cũng có nhiều thay đổi.

Đối với Viện Kiểm sát nhân dân, Luật tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân năm 2002 cũng có nhiều quy định phù hợp với xu thế đổi mới bộ máy các cơ quan tư pháp. Theo quy định mới, Viện Kiểm sát nhân dân không thực hiện chức năng kiểm sát chung (kiểm sát việc tuân theo pháp luật) như trước đây mà chỉ tập trung vào hai nhiệm vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp theo quy định của hiến pháp và pháp luật. Với chức năng như vậy, Viện Kiểm sát có điều kiện thực hiện tốt hơn hoạt động kiểm sát hoạt động tố tụng của cơ quan điều tra, toà án, trong đó có việc bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo, người bị tạm giữ.

Những năm gần đây, những chuyển biến theo chiều hướng tích cực trong thực tiễn áp dụng pháp luật TTHS đã làm giảm đi nhiều trường hợp bắt, truy tố, xét xử oan, sai; quyền lợi chính đáng, hợp pháp của công dân được bảo vệ một cách hữu hiệu hơn và cùng với nó, quyền bào chữa thực tế của người bị tạm giữ, bị can ngày càng được mở rộng vững chắc hơn.

### **2.3. Hạn chế, bất cập và nguyên nhân của những hạn chế trong việc bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo.**

#### **2.3.1. Hạn chế, bất cập**

*\* Hạn chế, bất cập do những quy định của pháp luật:*

Bộ luật TTHS năm 2003 cho phép người bào chữa tham gia tố tụng từ khi khởi tố bị can. Đối với trường hợp bắt người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã thì người bào chữa được tham gia tố tụng từ khi có quyết định tạm giữ.



Thực tiễn thực hiện quy định của Bộ luật TTHS và Luật luật sư năm 2006 về quyền của người bào chữa trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đang bộc lộ một số vướng mắc, bất cập ở việc cấp giấy chứng nhận tham gia tố tụng của người bào chữa; về quyền được thông báo về thời gian, địa điểm hỏi cung bị can để luật sư có mặt khi hỏi cung bị can; Về quyền thu thập tài liệu, đồ vật liên quan đến việc bào chữa;- Về quyền được nhận bản kết luận điều tra sau khi hoạt động điều tra kết thúc; Những tồn tại, bất cập ở thủ tục xét hỏi; Những tồn tại, bất cập ở thủ tục tranh luận tại phiên tòa

*\*Hạn chế, bất cập từ phía cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng*

Thủ tục cấp giấy chứng nhận người bào chữa theo quy định tại khoản 4 Điều 56 Bộ luật TTHS cũng như việc người bào chữa được có mặt khi lấy lời khai của bị can, bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 58 Bộ luật TTHS còn nhiều bất cập, đã số những trường hợp người bào chữa xin cấp giấy chứng nhận người bào chữa từ khi khởi tố bị can bị cơ quan điều tra từ chối.

Một số người tiến hành tố tụng chỉ quan tâm đến những chứng cứ buộc tội mà ít chú ý đến chứng cứ gỡ tội cho bị can, bị cáo hay nói cách khác là "*cố buộc tội*". Mặc dù Điều 10 Bộ luật TTHS đã quy định rõ.

Tại phiên tòa, một số thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng chưa quan tâm nhiều đến việc tranh luận, vì muốn xử cho nhanh, gọn chứ không muốn tranh cãi nhiều nhất là lật lại chứng cứ: Đôi khi vai trò, vị trí của người bào chữa tại phiên tòa chỉ là hình thức, không có thì thiếu mà có thì thừa. Người bào chữa ngồi tại phiên tòa nhiều khi chỉ để trang điểm cho tòa, luật sư cứ bào chữa, thậm chí còn tranh luận với kiểm sát viên rất hùng hồn và nhưng tòa vẫn cứ tuyên, vì vụ án đã được duyệt rồi "*án bỏ túi*".

*\* Hạn chế, bất cập do trình độ, chất Lượng của đội ngũ người bào chữa*

*- Về trình độ của người bào chữa*

Trong hoạt động bào chữa của mình còn có người bào chữa thiếu tinh thần trách nhiệm với bị can, bị cáo, hoạt động tham gia tố tụng của người bào chữa còn những hạn chế, cần phải phấn đấu khắc phục. Kỹ năng nghề nghiệp trong tham gia tố tụng, đặc biệt kỹ năng tranh tụng nhìn chung chưa cao. Còn có những người bào chữa vừa yếu về kỹ năng, vừa thiết hụt về kiến thức pháp luật. Một số người bào

chữa chưa nắm vững quan điểm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng nhưng đồng thời phải có trách nhiệm bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bởi vậy đã có những biểu hiện lệch lạc, tiêu cực trong hành nghề... Những nhược điểm đó phần nào làm hạn chế chất lượng tham gia tố tụng của người bào chữa. Thể hiện cụ thể ở một số điểm sau đây:

Bên cạnh đó, có không ít người bào chữa đã hiểu không chính xác nội dung nguyên tắc người bào chữa có quyền bình đẳng với Kiểm sát viên trong việc đưa ra chứng cứ, tài liệu, Đồ vật, đưa ra yêu cầu và tranh luận trước Toà án nên đã có những yêu cầu trái với quy định của Bộ luật TTHS như: đòi bình đẳng với Kiểm sát viên trong tất cả các hoạt động tố tụng, trong khi trình bày lời bào chữa của mình đã không đưa ra những chứng cứ gỡ tội cho bị cáo hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo mà lại nhận xét thái độ, tác phong của Kiểm sát viên...

#### *- Về nghề nghiệp của người bào chữa*

Thực tiễn hoạt động của người bào chữa đã chứng minh, các quy định của Bộ luật TTHS về quyền và nghĩa vụ của người bào chữa nếu thực hiện đúng sẽ góp phần cùng với cơ quan tiến hành tố tụng xác định sự thật vụ án, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bị can, bị cáo. Tuy nhiên, vẫn còn không ít trường hợp do không hiểu thấu đáo quyền và nghĩa vụ mà pháp luật quy định, nên người bào chữa đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình khi làm nhiệm vụ bào chữa cho bị can, bị cáo.

Bên cạnh những người bào chữa chịu khó lành rõ tính chất của vụ án tìm ra những tình tiết, những chứng cứ có lợi cho bị can, bị cáo mà mình bảo vệ theo quy định của pháp luật (bằng những biện pháp hợp pháp), lại có những người bào chữa muốn giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị can, bị cáo bằng những biện pháp trái với quy định của pháp luật. Thay vì động viên bị can, bị cáo thành khẩn khai báo để cơ quan tiến hành tố tụng nhanh chóng lành rõ sự thật vụ án và bị can, bị cáo được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì người bào chữa lại lợi dụng cơ hội này để làm tiền bị can, bị cáo, vi phạm đạo đức nghề nghiệp...

#### **2.3.2. Nguyên nhân**

Các chế định của Bộ luật TTHS hiện hành về các nguyên tắc của tố tụng hình sự; về phân định các chức năng cơ bản trong tố tụng hình sự (buộc tội, bào chữa và

xét xử) giữa các chủ thể tham gia tố tụng hình sự; phân loại các chủ thể tham gia tố tụng; các thủ tục điều tra, truy tố và xét xử... vẫn còn nhiều điểm bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, đặc biệt là vấn đề nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa.

Các cơ quan tiến hành tố tụng chưa thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật TTHS về bảo đảm QBC của bị can, bị cáo, đặc biệt là ở giai đoạn điều tra.

Trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp của nhiều kiểm sát viên còn hạn chế nên không phát hiện kịp thời các vi phạm tố tụng trong giai đoạn điều tra.

Đội ngũ thẩm phán các cấp chưa được chuẩn bị đầy đủ kỹ năng nghề nghiệp theo yêu cầu cải cách tư pháp, chưa kịp thời đổi mới tư duy và phương pháp công tác nên việc thực hiện chức năng xét xử tại phiên tòa vẫn theo nếp cũ. Mặt khác, do cơ chế làm việc, sự hạn chế về trình độ nghiệp vụ và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ thẩm phán nên nguyên tắc “khi xét xử phải độc lập và chỉ tuân theo pháp luật” chưa có tính khả thi cao trên thực tế.

Vai trò của luật sư trong TTHS chưa được coi trọng đúng mức cả từ góc độ các cơ quan tiến hành tố tụng, từ góc độ nhận thức của nhân dân, cũng như của bị can, bị cáo và gia đình họ.

Việc thực hiện các quy định hiện hành về quyền và nghĩa vụ của người bào chữa đang gặp rất nhiều khó khăn từ việc nhận giấy chứng nhận bào chữa, gặp bị can, bị cáo đang bị tạm giam, sao chụp tài liệu trong hồ sơ vụ án đến thu thập chứng cứ về vụ án để kịp thời cung cấp cho các cơ quan tiến hành tố tụng.

#### **2.4. Ý nghĩa của việc bảo đảm QBC của bị can, bị cáo**

Đào đảm QBC của bị can, bị cáo có ý nghĩa, vai trò đặc biệt quan trọng. Một mặt, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật TTHS Việt Nam; mặt khác, giúp cho cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết vụ án hình sự đúng đắn, khách quan, đúng pháp luật, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật TTHS của Nhà nước ta.

## Chương 3

# MỘT SỐ GIẢI PHÁP GÓP PHẦN HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ BẢO ĐẢM QUYỀN BÀO CHỮA CỦA BỊ CAN, BỊ CÁO Ở VIỆT NAM

### **3.1. Phương hướng hoàn thiện các quy định pháp luật về bảo đảm QBC của bị can, bị cáo.**

Vấn đề hoàn thiện chế định QBC của bị can, bị cáo gắn liền với việc mở rộng khả năng, phạm vi tham gia tố tụng của người bào chữa. Đây chính là phương hướng, biện pháp nhằm thu hút lực lượng quần chúng nhân dân tham gia vào việc giải quyết các vụ án hình sự và thể hiện tính nhân đạo sâu sắc của Nhà nước ta. Việc hoàn thiện chế định quyền bào chữa của bị can, bị cáo còn có tác dụng tạo dựng niềm tin của quần chúng nhân dân vào nền pháp luật XHCN, một nền pháp luật thể hiện tính nghiêm minh, công bằng, dân chủ và mang tính nhân đạo sâu sắc.

### **3.2. Một số giải pháp góp phần hoàn thiện các quy định của pháp luật về bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo**

#### ***3.2.1. Sửa đổi, bổ sung các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về bảo đảm quyền bào chữa của người, bị can, bị cáo***

- *Về địa vị pháp lý của người bị tạm giữ, bị can:* một số quy định của Bộ luật TTHS về địa vị pháp lý của bị can, bị cáo chưa đầy đủ hoặc không rõ ràng, đã gây không ít khó khăn cho việc áp dụng pháp luật trong đó có các quy định về quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can. Quy định hiện hành chưa thể hiện được những dấu hiệu thuộc về nội dung của người bị tạm giữ, bị can. Do vậy, trong pháp luật tố tụng hình sự cần có quy định đầy đủ đối với các thuật ngữ này về cả nội dung lẫn hình thức.

- *Về thời điểm tham gia bào chữa của người bào chữa:* quy định về thời điểm tham gia tố tụng của người bào chữa tại Điều 58 Bộ luật TTHS vẫn còn có những điểm bất hợp lý.

- *Về quyền lựa chọn hình thức bào chữa:* theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự hiện hành, bị can, bị cáo có quyền “tự bào chữa *hoặc* nhờ người khác bào chữa” cho mình (Điều 11 Bộ luật TTHS). Đây là hai quyền năng có đồng thời ở bị can, bị cáo để thực hiện việc bào chữa cho mình. Tuy nhiên, với cách quy định

nêu trên, có thể hiểu rằng bị can, bị cáo đã chọn cho mình quyền tự bào chữa thì họ không có quyền nhờ người khác bào chữa nữa và ngược lại. Bởi vì, từ “*hoặc*” trong quy định nêu trên là một từ có tính chất lựa chọn, đã ngăn cách hai quyền năng này, chỉ cho phép người bị tạm giữ, bị can lựa chọn một trong hai quyền đó mà thôi.

- *Về quyền lựa chọn người bào chữa*: khoản 1 Điều 56 Bộ luật TTHS quy định ba loại người bào chữa là: luật sư; người đại diện hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo; bào chữa viên nhân dân. Về nguyên tắc, việc mời ai trong số những người này làm người bào chữa cho mình là do người bị tạm giữ, bị can lựa chọn, quyết định. Tuy nhiên, thực tiễn TTHS ở nước ta cho thấy, người bào chữa trong các vụ án hình sự hiện nay phần lớn vẫn là luật sư và chủ yếu họ chỉ tham gia bào chữa ở giai đoạn xét xử (tức là bảo vệ quyền lợi cho bị cáo). Trên thực tế, do trình độ hiểu biết pháp luật của bào chữa viên nhân dân, người đại diện hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can còn hạn chế, trong khi pháp luật lại chưa có hướng dẫn cụ thể, nên rất hiếm khi thấy những người này tham gia TTHS với tư cách là người bào chữa.

- *Về cơ chế đảm bảo sự có mặt của người bào chữa trong một số hoạt động tố tụng*: khoản 2 Điều 58 Bộ luật TTHS quy định người bào chữa có quyền: “Có mặt khi lấy lời khai của người bị tạm giữ, khi hỏi cung bị can và nếu Điều tra viên đồng ý thì được hỏi người bị tạm giữ, bị can và có mặt trong những hoạt động điều tra khác; xem các biên bản về hoạt động tố tụng có sự tham gia của mình và các quyết định tố tụng liên quan đến người mà mình bào chữa”. Quy định này có tính chất tùy nghi và không có nội dung quy định về điều kiện bảo đảm thực hiện quyền đó. Trên thực tế, có rất nhiều lý do cơ quan tiến hành tố tụng có thể đưa ra làm cho luật sư khó có thể tiếp cận, gặp gỡ người bị tạm giữ, bị can, nhất là khi bị can đang bị tạm giam và bị hỏi cung.

- *Về việc bảo đảm quyền bào chữa cho bị can, bị cáo trong một số trường hợp đặc biệt*: Theo quy định của Luật Tố tụng hình sự thì quy định này không hợp lý ở chỗ, khi vụ án đang còn trong quá trình điều tra thì khó có thể xác định được chính xác ngay khung hình phạt nào sẽ áp dụng đối với phạm tội, mà còn phải tiếp tục điều tra làm rõ thêm các tình tiết của vụ án do họ thực hiện. Trên thực tế, rất nhiều vụ án CQĐT đã phải thay đổi tội danh sau khi tiến hành điều tra, thu thập chứng cứ. Tội

đanh và khung hình phạt được áp dụng đối với người phạm tội chỉ được xác định tương đối chính xác khi hồ sơ vụ án được chuyển sang Viện kiểm sát để truy tố trước Toà án. Như vậy, quy định của luật TTHS nêu trên trong nhiều trường hợp không có tính khả thi trong giai đoạn điều tra vụ án.

- *Về quyền thu thập chứng cứ của người bào chữa:* để bị can, bị cáo có thể tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa thì điều quan trọng là phải quy định rõ quyền thu thập và sử dụng chứng cứ.

Ngoài ra, vị trí pháp lý của người bào chữa trong TTHS cũng cần được bổ sung theo hướng mở rộng quyền của người bào chữa và cơ chế bảo đảm cho việc thực hiện quyền ấy. Theo đó, cần xác định rõ thoả thuận về việc bào chữa giữa người bị buộc tội với người bào chữa.

### **3.2.2. Cải cách tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp và hỗ trợ tư pháp.**

- *Kiện toàn tổ chức, hoạt động của cơ quan điều tra*

Đổi mới hợp lý tổ chức và hoạt động của cơ quan điều tra. Theo đó, cần phải tăng cường xây dựng các cơ quan điều tra hình sự vững mạnh bao gồm đội ngũ điều tra viên có hiểu biết sâu về pháp luật, thật sự vô tư, khách quan, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có khả năng chuyên môn tay nghề cao... Đồng thời, phải có những bảo đảm pháp lý để các cơ quan điều tra được độc lập trong khi thực hiện nhiệm vụ của mình.

- *Kiện toàn tổ chức, hoạt động của toà án*

Đảng ta đã định hướng: Xây dựng hệ thống cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, quyền con người. Đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Cải cách tư pháp khẩn trương, đồng bộ; lấy cải cách hoạt động xét xử làm trọng tâm ... và Nghị quyết 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã chỉ rõ việc sắp xếp, tổ chức lại toà án là yêu cầu tất yếu phải làm

- *Kiện toàn tổ chức, hoạt động của viện kiểm sát*

QBC của bị can, bị cáo trong TTHS thực hiện có hiệu quả cao hay thấp còn ảnh hưởng bởi tổ chức và hoạt động của Viện Kiểm sát nhân dân. Kientoan tổ chức

hoạt động của Viện Kiểm sát theo tinh thần cải cách tư pháp phải tiến hành động bộ của về tổ chức bộ máy và tổ chức cán bộ.

*- Kiện toàn tổ chức các đoàn luật sư, các văn phòng luật sư.*

Cùng với việc nâng cao vai trò tự quản của Đoàn Luật sư và khuyến khích phát triển nghề Luật sư ở Việt Nam, cần đổi mới và tăng cường sự quản lý của Nhà nước đối với hành nghề Luật sư. Các Đoàn Luật sư cần tập trung vào việc quản lý Luật sư về mặt đạo đức nghề nghiệp, giúp đỡ, bảo vệ Luật sư trong khi hành nghề. Mặt khác, để phát triển đội ngũ Luật sư chuyên nghiệp, với tư cách là cơ quan quản lý Luật sư, Bộ Tư pháp có vai trò quan trọng trong việc hoàn thiện cơ sở pháp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho nghề Luật sư phát triển.

*- Nâng cao chất lượng, số lượng luật sư*

+ Xây dựng đội ngũ Luật sư theo hướng nắm vững luật pháp, giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, có đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu bảo vệ chân lý khách quan trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền; nhanh chóng xây dựng đội ngũ luật sư với số lượng và chất lượng cao nhằm đáp ứng yêu cầu tham gia bào chữa đối với tất cả các vụ án không chỉ ở những thành phố lớn như hiện nay. Luật sư bào chữa tại phiên tòa phải được coi như một bên tranh tụng thực sự bình đẳng với cơ quan công tố.

+ Cần tăng cường công tác đào tạo rèn luyện phẩm chất đạo đức của đội ngũ Luật sư, nâng cao chất lượng các khóa đào tạo cơ bản và tạo điều kiện để Luật sư được thử thách trong thực tiễn, thu hút chuyên gia giỏi về pháp luật tham gia đội ngũ Luật sư.

+ Về cơ chế chính trị, xã hội cần tạo cho Luật sư (người bào chữa nói chung) một chỗ ngồi tương xứng tại phiên tòa và thống nhất đối với tất cả các phiên tòa hình sự trong cả nước. Bởi lẽ, vị trí ngồi của Luật sư tại phiên tòa cũng thể hiện rõ sự bất bình đẳng giữa kiểm sát viên và luật sư. Trong thực tế, chỗ ngồi của Luật sư tại phiên tòa chưa được quy định thống nhất mà hoàn toàn phụ thuộc vào sự sắp xếp của Tòa án.

### **3.2.3. Kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm pháp luật về QBC của bị can, bị cáo.**

Việc những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng không thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng sử dụng quyền hạn vượt quá phạm vi thẩm quyền luật định xâm phạm đến QBC của bị can, bị cáo tùy theo mức độ vi phạm mà có thể bị xử lý theo trách nhiệm hành chính hoặc trách nhiệm hình sự.

### **3.2.4. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về QBC của bị can, bị cáo**

Mục đích của hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về QBC của người bị can, bị cáo là để nâng cao hiệu quả của việc thực hiện nguyên tắc bảo đảm QBC của bị can, bị cáo đã được pháp luật TTHS ghi nhận.

Muốn tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo đảm QBC của bị can, bị cáo đạt kết quả cao, đòi hỏi cả người giáo dục và người được giáo dục phải có sự tác động qua lại thường xuyên, có hệ thống. Làm được như vậy sẽ góp phần củng cố lòng tin của bị can, bị cáo vào khả năng bảo vệ của pháp luật trước sự vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp của họ trong TTHS.



## KẾT LUẬN

Thực tiễn đã chứng minh vai trò quan trọng của chế định bảo đảm QBC của bị can, bị cáo trong TTHS. Quá trình áp dụng chế định này đã góp phần tích cực trong việc bảo vệ pháp chế XHCN, đảm bảo dân chủ, công bằng trong xã hội. Với mong muốn nâng cao hơn nữa hiệu quả áp dụng chế định bảo đảm QBC trong TTHS, đáp ứng yêu cầu dân chủ hoá các hoạt động TTHS theo tinh thần các nghị quyết của Đảng về cải cách tư pháp, luận văn đã nghiên cứu chế định bảo đảm QBC của bị can, bị cáo trong pháp luật TTHS Việt Nam ở cả bình diện lý luận và thực tiễn áp dụng.

Ở bình diện lý luận, luận văn đã xác định địa vị pháp lý của bị can, bị cáo trong TTHS; phân tích để hình thành khái niệm về QBC nói chung trong TTHS, qua đó xác định QBC của bị can, bị cáo trong TTHS. Đồng thời làm rõ trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng trong việc bảo đảm QBC của người bị tạm giữ, bị can trong TTHS. Việc bảo đảm QBC của người bị tạm giữ, bị can trong tố tụng hình sự không chỉ nhằm bảo đảm quyền tự do, dân chủ của công dân mà còn giúp các cơ quan tiến hành tố tụng khắc phục được những sai sót trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, đặc biệt là tình trạng oan, sai trong TTHS.

Ở bình diện thực tiễn, luận văn khái quát lịch sử hình thành và phát triển của nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa bị can, bị cáo trong luật TTHS Việt Nam và thực tiễn áp dụng. Trải qua các thời kỳ xây dựng và hoàn thiện pháp luật, đối tượng được hưởng quyền bào chữa ngày càng mở rộng. Đến nay, theo quy định của Bộ luật TTHS năm 2003, đối tượng được hưởng QBC không chỉ có bị can, bị cáo mà cả người bị tạm giữ. Tuy nhiên, các quy định về bảo đảm QBC của người bị tạm giữ, bị can vẫn bộc lộ nhiều bất cập cần phải tiếp tục hoàn thiện.

Với kết quả nghiên cứu như vậy, luận văn sẽ cung cấp thêm những luận cứ khoa học cho việc xây dựng, hoàn thiện chế định bảo đảm QBC của bị can, bị cáo trong luật TTHS của Nhà nước ta nhằm phát huy tác dụng tích cực của chế định này trong việc bảo đảm QCN nói chung, quyền và lợi ích hợp pháp của bị can, bị cáo trong TTHS nói riêng, góp phần tăng cường pháp chế XHCN, xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh theo định hướng của Đảng.